TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 23/4/2021
"T/c hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Kim Xuyến.
Ông Phan Văn Truyện.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L.

Ngày 23/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2021/QĐST-DS ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH MTV P.
Địa chỉ: Số 34, Ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hòa Nhã – Chức Vụ: Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Nam Hải, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 48, Lê Văn Tám, phường 1, Tp.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà G, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Số 24, đường N26, khu phố 5, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020 và bản tự khai nguyên đơn trình bày: Trước đây Công ty TNHH MTV Pcó giao dịch mua bán với đại lý VTNN Cẩm G do bà G là chủ đại lý. Từ ngày 11/9/2016 đến ngày 20/4/2017, bà G có mua phân bón, thuốc trừ sâu của Công ty TNHH MTV Pvà có 08 hóa đơn bán hàng với tổng giá trị là 226.520.000đ. Từ ngày 13/9/2016 đến ngày 22/5/2017, bà G đã thanh toán cho Công ty P số tiền là 164.240.000đ. Hiện bà G còn nợ Công ty TNHH MTV Psố tiền gốc là 62.280.000đ và số tiền lãi là 9.042.000đ. Ngày 31/8/2018 bà G có ký xác nhận còn nợ lại Công ty TNHH MTV Psố tiền là 71.322.000đ. Từ ngày ký xác nhận nợ đến nay bà G không trả được khoản tiền nào; Do đó, Công ty TNHH MTV Pyêu cầu Tòa án nhân dân thị xã K buộc

bà G phải thanh toán số tiền 71.322.000đ theo công nợ đối chiếu ngày 31/8/2018, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hợp công khai, tiếp cân chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà G vắng mặt và không có ý kiến trình bày trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH MTV Pkhởi kiện yêu cầu bà G có nghĩa vụ trả số tiền múa bán nên được xác định quan hệ pháp luật dân sự là "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự.

[1.2] Bị đơn bà G, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 24, đường N26, khu phố 5, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh L nên Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L thụ lý vụ án là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên hợp công khai, tiếp cân chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà G vắng mặt nhưng đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng, phía Công ty TNHH MTV Pcó đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà G, địa diện Công ty TNHH MTV Plà đúng theo các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại bản đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/8/2018 thể hiện bà G còn nợ Công ty TNHH MTV Psố tiền 71.322.000đ, trong biên nhận có đầy đủ chữ ký xác nhận nợ của bà G và đến nay bà G không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh đã thanh toán khoản tiền nào trong tổng số nợ mà nguyên đơn yêu cầu là đúng sự thật.

[2.2] Xét thấy, bà G không có lời khai trong hồ sơ và vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thể hiên bà G đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Pnên xác định bà G đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Công ty TNHH MTV Pgiao nộp bản chính biên nhận bản đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/8/2018 thể hiện G còn nợ Công ty TNHH MTV Psố tiền 71.322.000đ có đầy đủ chữ ký của bà G nên được xác định là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Plà những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, được quy định tại các Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2.4] Về lãi suất: Công ty TNHH MTV Pkhông yêu cầu bà G phải trả lãi nên không xem xét.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên; Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV Plà có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Buộc bà G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 430 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Pđối với bà G về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc bà G phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV P số tiền là 71.322.000đ **(**bảy mươi mốt triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà G phải chịu 3.566.000đ (ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho ông Công ty TNHH MTV P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.808.000đ (một triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009463 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh L

4. Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh L;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Khanh

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
Phan Văn Truyện – Trần Thị Ngọc Anh	**Nguyễn Vũ Khanh**